



Statement of Investment Policies and Goals

Chính sách và Mục tiêu Đầu tư

Vietnam Par - Pre 2006 ('the Segment')

Danh mục Tài sản Có Chia Lãi – trước 2006 (Danh mục)

Company 0188, Subfund 165

Table of Contents

1	Purpose.....	1
1.1	Purpose of the Statement of Investment Policies & Goals	1
1.2	Compliance	1
1.3	Approval Process	2
1.4	Effective Date	3
2	Segment Overview	4
2.1	High Level Product Description	4
2.2	Expected Cash Flows.....	5
2.3	Embedded Guarantees and Options	5
2.4	Liquidity Requirements.....	5
2.5	Currency	6
2.6	Duration.....	6
3	Investment Parameters	7
3.1	Investment Mandate	7
3.2	Reinsurance Treaty Restrictions	7
4	Sign Offs	8

1 Purpose

1.1 Purpose of the Statement of Investment Policies & Goals

This Statement of Investment Policies and Goals (the "Statement") has been prepared by Asset Liability Management to document the manner in which the assets that comprise the segment shall be invested. This Statement should be read in conjunction with the recommended strategies in the Vietnam Liability and Surplus Segment Master Investment Policy. The Statement is a contract between Manulife Vietnam ("MVL") and the Investment Division, which provides the framework for mutually agreed upon investment objectives, guidelines and parameters. Investments shall be selected and held in accordance with the criteria and limitations set forth herein.

Bản Chính sách và Mục tiêu Đầu tư ("Chính sách") đã được Bộ phận Quản lý Nợ Có chuẩn bị để ghi nhận cách thức mà các tài sản sẽ được đầu tư trong danh mục này. Chính sách này cần được đọc đồng thời với các chiến lược được khuyến nghị trong Danh mục Vốn Chủ sở hữu và Nợ thuộc Chính sách Đầu tư Tổng thể Việt Nam. Bản Chính sách này là hợp đồng giữa Manulife Việt Nam và Bộ Phận Đầu tư, tạo ra khuôn khổ cho các mục tiêu đầu tư, các hướng dẫn và các tham số được thống nhất chung giữa hai bên. Các khoản đầu tư sẽ được lựa chọn và nắm giữ theo các tiêu chí và hạn mức nêu ra trong tài liệu này.

1.2 Compliance

The Statement is intended to comply with and cascade down from the *MFC Investment Guidelines* document (prepared by Investments and approved annually by a sub-committee of the Board of Directors).

Chính sách này nhằm mục đích tuân thủ và cụ thể hóa Tài liệu Hướng dẫn đầu tư của Tập đoàn Tài chính Manulife (do Bộ phận Đầu tư chuẩn bị và được phê duyệt hàng năm bởi một Tiểu ban của Hội đồng Quản trị).

The Statement is intended to additionally comply with and cascade down from the applicable *Investment Guidelines* of each subsidiary with respect to the assets and liabilities held within that subsidiary.

Chính sách này nhằm mục đích bổ sung và cụ thể hóa Hướng dẫn đầu tư áp dụng cho từng công ty con đối với tài sản và nghĩa vụ nợ trong công ty con đó.

The Statement also takes into account, where possible, other key company policies such as those listed below. It is also recognized that investment activity in general must comply with the requirements of these and other relevant policies not listed.

Chính sách này cũng tính đến, nếu có thể, các chính sách quan trọng khác của công ty đồng thời cũng thừa nhận rằng hoạt động đầu tư nói chung phải tuân

thủ các yêu cầu của các chính sách này và các chính sách liên quan khác (nếu có).

- Capital Management Policy (Chính sách quản lý vốn)
- Enterprise Risk Policy (Chính sách rủi ro doanh nghiệp)
- Fixed Income Securities Credit Policy (Chính sách tín dụng chứng khoán thu nhập cố định)
- Foreign Exchange Policy (Chính sách ngoại hối)
- General Fund Derivatives Usage Policy (Chính sách phái sinh chung)
- General Fund Securities Lending Policy (Chính sách cho vay tín dụng chung)
- Global Banking Policy (Chính sách ngân hàng toàn cầu)
- Inter-Segment Note Policy (Chính sách hối phiếu danh mục)
- Liquidity Pool Investment Guidelines (Chính sách đầu tư tài sản thanh khoản)
- Liquidity Risk Management Policy (Chính sách quản lý rủi ro thanh khoản)
- Mortgage Credit Policy (Chính sách tín dụng thế chấp)
- Pledging Policy (Chính sách cam kết)
- Securities Counterparty Policy (Chính sách đối tác chứng khoán)
- Target Asset Mix and Asset Benchmarks Policy (Chính sách tham chiếu cơ cấu tài sản mục tiêu)

The MFC Investment Guidelines and the other policies listed in this section can be found on MFCentral under Company Policies. If the policy does not appear, check the Restricted Policies list and contact the appropriate Policy Coordinator. Hướng dẫn đầu tư của Tập đoàn Tài chính Manulife và các chính sách khác đề cập trong mục này có thể tìm thấy tại MFCentral – Chính sách công ty. Nếu không có, hãy tìm tại danh sách các chính sách hạn chế và liên hệ đội ngũ phụ trách chính sách.

1.3 Approval Process

The following individuals shall review and approve the Statement of Investment Policies and Goals biennially:

Các cá nhân sau đây sẽ xem xét và thông qua Chính sách và Mục tiêu Đầu tư hai năm một lần:

- EVP & CFO, Asia Division;
Phó chủ tịch điều hành & Giám đốc Tài chính, Khu vực Châu Á
- AVP & CFO, Vietnam;
Trợ lý Phó chủ tịch & Giám đốc Tài chính, Việt Nam;
- SVP & Head of Investments, Asia General Account;
Phó chủ tịch cao cấp và Trưởng Bộ phận Đầu tư, Tài khoản Chung Châu Á;

- VP & Head of Global Asset Liability Management.
Phó chủ tịch & Trưởng Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ/Có Toàn cầu.

Any amendments to the statement of Investment Policies and Goals must be presented to the Vietnam and Asia Divisional ALCOs, and approved by the above listed authorities.

Bất kỳ sửa đổi nào cho Bản tuyên bố về chính sách và mục tiêu đầu tư phải được trình bày cho các Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ/Có (ALCO) của Việt Nam và Châu Á phải được các Ủy ban nêu trên phê duyệt.

1.4 Effective Date

This Statement is effective from April 30, 2016.

Chính sách này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 04 năm 2016.

2 Segment Overview

2.1 High Level Product Description

The Vietnam Par Pre 2006 segment contains assets supporting the liabilities of participating policies issued before January 1, 2006. The Surplus portion of this segment is subject to a 70/30 sharing requirement between the policyholders and the shareholders. The products supported by assets under this segment include:

Danh mục này bao gồm tài sản hỗ trợ nợ phải trả của các hợp đồng có chia lãi trước ngày 01/01/2006. Vốn chủ sở hữu trong danh mục này được chia theo tỷ lệ 70/30 cho chủ sở hữu và chủ hợp đồng bảo hiểm. Các sản phẩm được thành lập bởi danh mục này bao gồm:

- Education Endowment: Participating endowment provided to children ages 0-10 years. Premium is paid up to 17 years of age and benefits are paid until the age of 22. Basic benefits include death benefit, payer's benefit, and annual cash coupons at ages 18-22. For some education variants, child's critical illness benefit, medical cash and accidental benefits are also provided;
Bảo hiểm giáo dục: sản phẩm cho trẻ em từ 0-10 tuổi. Phí bảo hiểm đóng tối đa 17 tuổi và quyền lợi được trả cho đến khi tuổi 22. Các quyền lợi cơ bản bao gồm bảo hiểm tử vong, quyền lợi cho người mua bảo hiểm, và giá trị tích lũy hàng năm từ 18-22 tuổi. Một số quyền lợi khác như quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng, y tế và trợ cấp tai nạn cũng được cung cấp;
- Saving Care: 6-pay participating endowment. Basic benefits include the death benefits and maturity benefit. ADD at maximum additional 100% sum assured and hospital benefit;
Saving Care: Phí bảo hiểm 6 kỳ với quyền lợi cơ bản bao gồm bảo hiểm tử vong và quyền lợi đáo hạn và bổ sung tối đa 100% khoản tiền bảo đảm và trợ cấp nằm viện;
- Endowment 6-10-15-20: Participating regular endowment;
Bảo hiểm 6-10-15-20 năm: cho các hợp đồng bảo hiểm định kỳ;
- Endowment to 55-60: Participating regular endowment to ages 55 or 60 with cash coupons paid every three years;
- Bảo hiểm đến 55-60 tuổi: hợp đồng bảo hiểm đến 55-60 tuổi với phiếu tích lũy chi trả mỗi ba năm một lần;
- Premier Endowment 12-15-20: 12-15-20 Pay participating endowment to age 80 with cash coupon benefits paid after every 5 policy years and annually, major disease benefits and additional benefits under premier ladies: child birth benefits, cancer, ladies care. These benefits can vary by Premier Classic, Premier Classic Plus, Premier Lady and Premier Lady Plus;

- Bảo hiểm đặc biệt 12-15-20 năm: Các hợp đồng bảo hiểm kỳ hạn 12-15-20 năm với phiếu tích lũy được chi trả sau mỗi 5 năm chính sách và hàng năm, quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng và các quyền lợi bổ sung cho phụ nữ như: trợ cấp sinh con, ung thư, sức khỏe. Những quyền lợi này có thể thay đổi theo các chính sách Premier Classic, Premier Classic Plus, Premier Lady và Premier Lady Plus;
- Flexible-Endowment 10-15: 10 Pay 15 Year and 15 Pay 20 Year participating endowment, ADD benefit, cash coupon at maturity, cancer benefit and hospital benefit. These benefits can vary by Classic, Superior and DeLuxe version;
Bảo hiểm linh hoạt 10-15: Đóng phí 10 cho 15 năm và 15 cho 20 năm, bổ sung thêm các quyền lợi, phiếu tích lũy khi đáo hạn, quyền lợi bệnh lý ung thư và quyền lợi nằm viện. Những quyền lợi này có thể thay đổi theo các chính sách Classic, Superior và DeLuxe;
 - VPO: Attached to basic policy, which provides the option to increase sum assured;
VPO: Kèm theo quyền lợi cơ bản, cung cấp các quyền chọn để tăng số tiền bảo hiểm;

2.2 Expected Cash Flows

The Par Pre 2006 segment has been closed to new business since January 1, 2006. Projected benefits and expenses are expected to exceed future premiums. Cash receivable from investments (coupons, maturities) will be used to cover some cash outflows.

Danh mục này đã được thay thế bằng danh mục mới kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2006. Các quyền lợi và chi phí dự kiến sẽ cao hơn phí bảo hiểm trong thời gian tới. Tiền phải thu từ các khoản đầu tư (lợi suất trái phiếu, trái phiếu đáo hạn) sẽ được sử dụng để bù đắp dòng tiền chi trả.

2.3 Embedded Guarantees and Options

There are no material guarantees other than guaranteed cash values typical for par endowment products.

Không có bảo đảm ngoài trừ các khoản bảo đảm điển hình cho các sản phẩm có chia lãi.

2.4 Liquidity Requirements

Liquidity needs for the Vietnam Par – Pre 2006 segment are needed to cover the steady stream of monthly payment of death claims, cash surrender values, dividends, and endowment benefits. This is a closed block thus the amount of future premiums is expected to decline.

Danh mục có nhu cầu thanh khoản để thanh toán cho các bảo hiểm tử kỳ, giá trị hoàn lại, cổ tức và các quyền lợi hỗn hợp. Đây là danh mục sẽ dần thanh lý do đó số tiền phí bảo hiểm lai dự kiến sẽ giảm dần trong thời gian tới.

2.5 Currency

Assets are segmented and generally matched to liabilities.

Tài sản được phân bổ và phù hợp với cơ cấu nợ.

In this segment, the liabilities are entirely denominated in Vietnamese Dong (VND).

Trong danh mục này, nợ phải trả được thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND)

2.6 Duration

The duration of the liabilities is approximately 5 years.

Thời gian đáo hạn nợ của Danh mục khoảng 5 năm.

3 Investment Parameters

3.1 Investment Mandate

The Segment is invested in accordance with the Target Return Investment Strategy. This segment is permitted to invest in a combination of fixed income and non-fixed income assets.

Danh mục được đầu tư theo Chính lược đầu tư mục tiêu. Danh mục này được phép đầu tư vào tài sản có lãi suất cố định và tài sản không có lãi suất cố định.

Please see the Vietnam Liability and Surplus Segments Master Investment Policy for detail on the investment strategy.

Vui lòng tham khảo Danh mục Vốn Chủ sở hữu và Nợ thuộc Chính sách Đầu tư Tổng thể Việt Nam để biết chi tiết về chiến lược đầu tư

3.2 Reinsurance Treaty Restrictions

None of the liabilities of the Segment have been reinsured on either a Modified Coinsurance or Funds Withheld basis.

Không có khoản nợ nào của Danh mục này được tái bảo hiểm trên cơ sở đồng bảo hiểm hoặc khoản quỹ được giữ lại.

4 Sign Offs

The undersigned, on behalf of their business units, have read and agree with the investment objectives and investment management parameters set out in this Statement. The parties acknowledge that the investment objectives may be further defined in order to provide greater clarity. This Statement will remain in effect until such time that a restated and amended Statement is prepared.

Người phê duyệt dưới đây, thay mặt các bộ phận, đã đọc và đồng ý với các mục tiêu đầu tư và các thông số quản lý đầu tư được nêu trong Chính sách này. Các bên đồng ý rằng các mục tiêu đầu tư có thể được xác định chi tiết để làm rõ hơn. Chính sách này sẽ có hiệu lực cho đến khi có Chính sách sửa đổi khác.

Philip Witherington
EVP & CFO, Asia Division

Date:

Felix Lai
AVP & CFO, Vietnam

Date:

Robin Li
SVP & Head of Investment, Asia General Account

Date:

Gerald Posthuma
VP & Head of Global Asset Liability Management

Date: